



Chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2003 và dự báo năm 2004

TS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG

Tiền tệ trong nền kinh tế thị trường hết sức trở nên nhạy cảm. Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường không nằm ngoài tính quy luật đó.

Trong thời gian qua, để thúc đẩy đưa nền kinh tế Mỹ ra khỏi tình trạng suy thoái, thoát khỏi tình trạng thiếu phát, thúc đẩy tạo việc làm cho đội quân thất nghiệp, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã liên tục cắt giảm lãi suất chủ đạo đồng USD xuống còn 1 % thấp nhất trong 45 năm qua. Cùng với chính sách đồng USD yếu sẽ góp phần giảm thâm hụt thương mại. Tình trạng thâm hụt ngân sách Mỹ lên tới mức khổng lồ: 455 tỷ USD trong năm 2003 và dự báo tới 530 tỷ USD trong năm 2004. Chiến tranh thương mại hàng dệt may và hàng điện tử của Mỹ với Trung Quốc, tranh chấp về mức thuế nhập khẩu sắt thép với cộng đồng châu Âu. Mỹ gây sức ép đòi Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ. Liên

quân Mỹ bị sa lầy ở Iraq, cùng những nhạy cảm về chính trị và khủng bố ở Trung Đông. Tình hình đó đã làm cho đồng USD mất giá kỷ lục so với các loại ngoại tệ chủ chốt khác và tác động thúc đẩy tăng giá vàng trên thị trường thế giới lên cao nhất trong gần 8 năm qua, tác động đến nền kinh tế toàn cầu. Việt Nam cũng không nằm ngoài ảnh hưởng nói trên.

Trong bối cảnh đó, cộng với những diễn biến kinh tế vĩ mô trong nước, tiền tệ - điều hành chính sách tiền tệ - hoạt động ngân hàng ở Việt Nam trong năm 2003 đầy những biến động, nhạy cảm trên thị trường ngoại hối, lãi suất, tỷ giá, chu chuyển vốn qua hệ thống ngân hàng, phát hành 5 loại tiền mới vào lưu thông,....

Song đánh giá tổng quát nhất, đó là điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong năm 2003 đạt được thành công lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức 7,2%, kiềm chế lạm phát dưới 3%. Hệ

thống ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng hoạt động ổn định, kinh doanh có lãi.

Trong năm qua, tổng nguồn vốn huy động của toàn hệ thống ngân hàng ước tính tăng khoảng 20% so với cuối năm 2002; trong đó riêng tại TP.HCM tăng 30,8%, tại Hà Nội tăng 18%. Tổng dư nợ cho vay và đầu tư cho nền kinh tế ước tính tăng khoảng 25%; trong đó TP.HCM tăng 29,57%, Hà Nội tăng 27%. Tổng phương tiện thanh toán và khối lượng tiền cung ứng cho nền kinh tế nằm trong kế hoạch được phê duyệt.

Chuyển mạnh sang các công cụ gián tiếp và linh hoạt điều hành các công cụ chính sách tiền tệ

Trong năm 2003, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục chuyển mạnh từ các công cụ trực tiếp sang sử dụng các công cụ gián tiếp của chính sách tiền tệ: cơ chế lãi suất thoả thuận Đồng Việt Nam, cơ chế tự do hoá lãi suất ngoại tệ, tiếp tục công bố lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất chiết khấu, linh hoạt công cụ dự trữ bắt buộc và điều hành tỷ giá. Tình hình đó có tác động tích cực vào diễn biến lãi suất và tỷ giá trên thị trường, chu chuyển vốn qua hệ thống ngân hàng và đầu tư vốn trong nền kinh tế, ổn định tiền tệ.

Từ tháng 1.2003 đến tháng 7.2003, do áp lực về vốn của nền kinh tế, do sự cạnh tranh sôi động giữa các khối ngân hàng thương mại, lãi suất huy động vốn nội tệ các tất cả các NHTM đều đồng loạt liên tục tăng cao. Đến đầu tháng 7.2003, lãi suất huy động vốn cao nhất của một số NHTM cổ phần lên tới 0,78%/tháng, hay 9,36%/năm, phổ biến của khối NHTM cổ phần kỳ hạn 24 tháng là 0,74%/năm; khối NHTM nhà nước lãi suất kỳ hạn 24 tháng cũng lên tới 0,72% - 0,73%/năm. Lãi suất của khối các NHTM cổ phần nông thôn và quỹ tín dụng nhân dân cơ sở lên tới 0,8%/tháng và cao hơn. Đây là mức lãi suất cao nhất trong vòng 4 năm qua. Lãi suất cho vay cũng lên tới trên 0,9%/tháng, bình quân 0,95%/tháng.

Sau đó với cảnh báo và khuyến nghị của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), nỗ lực của Hiệp hội ngân hàng đưa 4 NHTM nhà nước chiếm hơn 70% thị phần tín dụng hợp tức thoả thuận với nhau về giảm lãi suất. Đồng thời NHNN cũng quyết định từ đầu tháng 8.2003 giảm lãi suất chiết khấu từ 4,2%/năm xuống còn 3,0%/năm, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6,0%/năm xuống còn 5,0%/năm, điều chỉnh giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc tiền gửi ngoại tệ giảm từ 5% xuống còn 4%, tỷ lệ dự trữ bắt buộc tiền gửi nội tệ bình quân cũng giảm 1%. Lãi suất cơ bản của NHNN công bố giữ ổn định trong suốt cả năm 2003 là 0,625%/tháng. Đồng thời NHNN cũng linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở, linh hoạt nghiệp vụ Swap - hoán đổi ngoại tệ lấy nội tệ cho các NHTM với việc cung ứng 9.000 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm, linh hoạt công bố tỷ giá chính thức hàng ngày.... Tất cả các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ và nghiệp vụ NHTW đó, nỗ lực quan trọng của các NHTM, từ tháng 8.2003 lãi suất nội tệ bắt đầu giảm, và cho đến các tháng 9 và 10.2003 thì giảm đáng kể, bình quân giảm từ 0,03% - 0,08%/tháng lãi suất huy động vốn nội tệ cho các kỳ hạn khác nhau. Đến trung tuần tháng 10.2003, lãi suất huy động vốn nội tệ kỳ hạn 12 tháng của các NHTM nhà nước phổ biến ở mức 0,60%/tháng, lãi suất huy động vốn kỳ hạn 24 tháng của các NHTM cổ phần cũng phổ biến ở mức 0,70 - 0,72%/tháng. Lãi suất cho vay cũng giảm nhẹ, bình quân giảm 0,02 - 0,05%/tháng. Đến trung tuần tháng 10.2003, lãi suất cho vay thấp nhất của Vietcombank là 0,70 - 0,75%/tháng; lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam 1,0 - 1,05%/tháng.

Tuy nhiên đến cuối năm, lãi suất nội tệ có xu hướng tăng nhẹ, bình quân giảm 0,25%/năm, nhưng vẫn thấp hơn mức đỉnh cao hồi đầu tháng 7.2003, khi đó được coi là cao nhất trong 3 năm qua.

Bên cạnh đó lãi suất ngoại tệ của các NHTM trong nước ổn định ở mức thấp. Lãi suất huy động vốn

USD kỳ hạn 1 - 2 năm phổ biến là 2%/năm, lãi suất cho vay ngoại tệ phổ biến 3,5% - 4,0%/năm. Ngân hàng Nhà nước cũng điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi ngoại tệ của các tổ chức tín dụng và Kho bạc nhà nước gửi tại NHNN phù hợp với diễn biến lãi suất trên thị trường.

Chủ động can thiệp trên thị trường ngoại hối và diễn biến bất thường về hoạt động ngân hàng

Diễn biến nổi bật và đáng chú ý nhất về diễn biến thị trường ngoại hối trong năm 2003 đó là giá vàng liên tục tăng cao, tỷ giá VND/USD trong 9 tháng đầu năm ổn định nhưng các tháng cuối năm biến động lớn.

Trên thị trường tự do, nếu như giá vàng SJC đầu tháng 1.2003 còn xoay quanh mức 642.000 đồng/chỉ, thì đến sáng ngày 3 tháng 12.2003 đã tăng lên tới gần 800.000 đồng/chỉ. Đây là năm có mức tăng cao nhất kể từ năm 1991 đến nay. Giá USD và các loại ngoại tệ mạnh khác cũng tăng cao, ngày 3 tháng 12.2003 trên thị trường tự do đạt tới 16.350 VND/USD... Sau đó với biện pháp can thiệp của Ngân hàng Nhà nước, cả giá vàng và tỷ giá đều giảm, xuống mức 770.000 đồng/chỉ vàng và 15.850 VND/USD, trong nửa cuối tháng 12.2003 tiếp tục tăng nhẹ, nhưng không đột biến. Như vậy, tính từ đầu năm đến thời điểm tăng đột biến nói trên, trên thị trường tự do giá vàng đã tăng 24,7%, tính đến trung tuần tháng 12.2003 tăng 23%, vượt qua mức tăng cả năm 2002 chỉ có 19,4% và gấp 5 lần mức tăng của năm 2001 chỉ có 5,0%. Tỷ giá VND/USD tính đến thời điểm đột biến nói trên cũng đã tăng 6,1%, gấp gần 3,0 lần mức tăng 2,1% của cả năm 2002; đến trung tuần tháng 12.2003 tăng trên 4%. Đồng EURO tăng giá gần 17% (đầu tháng 1.2003 là 16.238 VND/EURO, ngày 8.12.2003 là 19.107 VND/EURO), Yên Nhật tăng 11,36%, đạt mức 146,4 VND/JPY... Như vậy, theo mức độ tăng giá của giá vàng và ngoại tệ, giá đất đai tính ra VND thanh toán bằng vàng tăng gần 25%, chi phí nhập khẩu của doanh nghiệp

bằng USD tính ra VND tăng 6,6%, bằng EURO tăng 16,4%, Yên Nhật tăng hơn 11,0%...

Để góp phần can thiệp bình ổn giá vàng và đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước, NHNN đã chủ động cấp hạn ngạch cho các doanh nghiệp nhập khẩu vàng. Trong 11 tháng đầu năm 2003, tổng lượng vàng tiêu thụ tại Việt Nam vào khoảng 54 tấn vàng, dự kiến cả năm sẽ đạt 60 - 62 tấn. Trong đợt đột biến tăng giá vàng đầu tháng 12.2003, kéo giá vàng trên thị trường tự do trong nước giảm xuống sát với giá vàng thế giới, từ ngày 3.12 đến 5.12.2003, NHNN đã cam kết bán đủ ngoại tệ - USD với tỷ giá chính thức cho các NHTM và doanh nghiệp đã được cấp hạn ngạch nhập khẩu vàng, để họ nhập ngay 8 tấn vàng.

Với những biến động phức tạp và đa chiều trên thị trường ngoại hối quốc tế, sự mất giá của USD so với EURO, JPY,... trong năm 2003, Ngân hàng Nhà nước lần đầu tiên đã cho phép một số NHTM thực hiện nghiệp vụ Option - quyền lựa chọn tiền tệ, giúp các doanh nghiệp bảo hiểm rủi ro về tỷ giá.

Tỷ lệ kết hối của các doanh nghiệp cũng được NHNN tham mưu đề nghị với Chính phủ quyết định giảm xuống bằng 0%. Theo đó, doanh nghiệp có quyền chủ động bán ngoại tệ cho NHTM hay để trên tài khoản theo yêu cầu kinh doanh. NHNN cũng sửa đổi, bổ sung quy định về trạng thái ngoại hối của NHTM; sửa đổi bổ sung quy định hoạt động của bàn thu đổi ngoại tệ; nới rộng quy định về các đơn vị và tổ chức được nhận dịch vụ chi trả kiều hối... Các quyết định đó đảm bảo phù hợp hơn với thực tiễn hiện nay, có tác động tích cực vào ổn định tỷ giá trên thị trường và đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngoại tệ cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Thống đốc NHNN cũng đã ban hành Quyết định số 1437/2001/QĐ-NHNN, ngày 19.11.2003, "Về việc ban hành Quy định về mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài của người cư trú là công dân Việt Nam".

Theo quy định này, công dân

Việt Nam được chuyển, mang các mức ngoại tệ cụ thể. Ví dụ như mỗi năm tối đa không quá 10.000 USD cho một người xuất cảnh định cư, hoặc 20% số tiền cho một người xuất cảnh định cư nếu tổng số tiền chuyển, mang lớn hơn 50.000 USD,... Các quy định khác về thủ tục, phạm vi phân cấp, uỷ quyền được quy định cụ thể trong văn bản.

Quyết định số 1216/2003/QĐ-NHNN, ngày 9.10.2003, của Thống đốc NHNN "Về việc ban hành Quy chế hoạt động của bàn đổi ngoại tệ".

Theo quy định này, các bàn đổi ngoại tệ chỉ được mua ngoại tệ tiền mặt của cá nhân, không được bán tiền mặt cho cá nhân, trừ người mang hộ chiếu được phép mua theo quy định. Các bàn đại lý phải bán toàn bộ số ngoại tệ tiền mặt đổi được cho tổ chức tín dụng uỷ nhiệm theo quy định. Quyết định của Thống đốc NHNN cũng quy định cụ thể về phạm vi đặt bàn đổi ngoại tệ của TCTD, uỷ nhiệm làm đại lý đổi ngoại tệ; điều kiện, thủ tục cấp phép,...

Với các biện pháp chủ động can thiệp và tăng cường vai trò quản lý nhà nước, ngoại trừ giá vàng trong nước phụ thuộc vào giá vàng thế giới, thì tỷ giá chính thức mua bán giữa các ngân hàng thương mại với khách hàng trong năm 2003 chỉ tăng có 1,8%. So với 6 năm gần đây thì mức tăng của năm 2003 vẫn thấp hơn. Cụ thể năm 1997, VND mất giá 14,2% so với USD, năm 1998: 9,6%, năm 1999: 1,1%, năm 2000: 3,4%, năm 2001: 3,8%, năm 2002: 2,1% và năm 2003 là 1,8%.

Để thuận tiện trong so sánh, có thể thấy mức tăng giá vàng thị trường trong nước 12 năm qua như sau: năm 1991 tăng 88,7%, 1992 giảm 31,3%, 1993 tăng 7,4%, 1994 tăng 8,0%, 1995 giảm 3,0%, 1996 tăng 2,5%, 1997 giảm 6,6%, 1998 tăng 0,7%, 1999 giảm 0,2%, năm 2000 giảm 1,7%, năm 2001 tăng 5,0%, năm 2002 tăng 19,4% và 11 tháng đầu năm 2003 tăng 20,3%. Như vậy có thể thấy rằng trong hơn 10 năm qua giá vàng diễn biến rất phức tạp. Giá vàng nước ta phụ thuộc vào giá vàng thế giới và sự

diễn biến của tỷ giá VND/USD, nên giá vàng diễn biến phức tạp là điều dễ hiểu.

Bên cạnh đó, công cụ điều hành tỷ giá và chính sách quản lý ngoại hối đã có tác động tích cực thu hút kiều hối liên tục tăng cao trong hơn 10 năm qua



Bảng 1: Kiều hối chuyển vào Việt Nam trong 13 năm qua

Năm	Kiều hối (triệu USD)
Năm 1991	35,00
Năm 1992	136,64
Năm 1993	140,98
Năm 1994	249,47
Năm 1995	284,96
Năm 1996	468,99
Năm 1997	400,00
Năm 1998	950,00
Năm 1999	1.200,10
Năm 2000	1.757,00
Năm 2001	1.820,00
Năm 2002	2.200,00
Năm 2003 (ước)	2.600,00
Cộng 13 năm	12.243,00

(Nguồn: NHNN Việt Nam)

Hai biến động quan trọng gây sự chú ý lớn của dư luận trong năm 2003 đó là, sự cố rút tiền gửi trước hạn của số đông người dân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á châu - ACB trong các ngày 14.10 đến 16.10.2003 và sự kiện phát hành 5 loại tiền mới từ ngày 17.12.2003

được coi là đáng chú ý nhất về hoạt động ngân hàng năm 2003.

Từ các tin đồn thất thiệt về việc Tổng giám đốc ACB trốn đi nước ngoài, rồi bị bắt, đã dẫn đến trong hai ngày 14 và 15.10.2003, số lượng lớn khách hàng đã tập trung đến ngân hàng này để rút hàng trăm tỷ đồng tiền gửi trước hạn. Chỉ riêng ngày 14.10 đã có (cho đến 21 giờ) đã có 2.085 người rút gần 700 tỷ đồng; trong đó có 16 triệu USD (quy đổi),... Để xử lý sự cố đó, ngoài việc lãnh đạo cao nhất ngành ngân hàng là Thống đốc NHNN; lãnh đạo TP.HCM là Phó chủ tịch Nguyễn Thiện Nhân, Tổng giám đốc ACB Phạm Văn Thiệt,... có mặt tại chỗ để thông báo, giải thích, cam kết với người dân, sự hỗ trợ của các cơ quan thông tin đại chúng trong khâu tuyên truyền, thì biện pháp nghiệp vụ của NHTW đã phải thực hiện tức thời, đó là Ngân hàng Nhà nước đã ứng

cứu từ khoản hỗ trợ đặc biệt hai đợt: đợt một 500 tỷ đồng và đợt hai 450 tỷ đồng. Ngân hàng ngoại thương cùng một số ngân hàng khác cũng phải trợ giúp 5,6 triệu USD tiền mặt và 5,3 triệu USD chuyển khoản. Tất cả các biện pháp đó đã giúp cho tình hình nhanh chóng trở lại bình thường. Các khoản cho vay đặc biệt đó nhanh chóng được hoàn lại nơi xuất ra.

Chiều ngày 27.11.2003, NHNN công bố kế hoạch, bắt đầu từ ngày 17.12.2003, trong lưu thông tiền tệ ở nước ta xuất hiện 5 loại tiền mới, đó là hai loại tiền giấy mệnh giá 500.000 đồng và tiền mệnh giá 50.000 đồng được in trên giấy polymer; ba loại tiền kim loại, (hay còn gọi là tiền xu), mệnh giá 5.000 đồng, 1.000 đồng và 200 đồng. Sự kiện tiền tệ này được đánh giá là có tác động về mặt tâm lý làm tăng giá vàng và USD.

Theo đó giá vàng và USD bắt đầu tăng từ chiều ngày thứ 5, 27.11.2003, tiếp tục tăng khá và tăng đột biến vào sáng ngày 3.12.2003 như nói ở trên.

Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng đi vào chiều sâu

Thời điểm cao nhất, cả nước có 52 NHTM cổ phần và công ty tài chính cổ phần, sau một thời gian chấn chỉnh, củng cố, giải thể, sáp nhập,... đến cuối năm 2003 cả nước còn 38 NHTM cổ phần. Tương tự, thời điểm cao nhất cả nước có 974 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, sau một thời gian củng cố lại, đến cuối năm 2003 cả nước còn 885 quỹ.

Thời gian gần đây các NHTM và QTDND tập trung vào nâng cao sức mạnh tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiện đại hoá công nghệ, giảm nợ xấu, làm trong sạch báo cáo tài chính, tăng vốn điều lệ theo quy định, mở rộng mạng lưới kinh doanh và tăng lợi nhuận...

Cùng với cấp đợt I trong năm 2002 và đợt II trong năm 2003 thì tổng số vốn điều lệ các NHTM Nhà nước được cấp bổ sung của cả hai đợt đến nay là 6.800 tỷ đồng. Đối với khối NHTM cổ phần, đến nay về cơ bản đã tăng đủ vốn điều lệ theo quy

định. Một số NHTM cổ phần còn tăng thêm vốn theo yêu cầu nâng cao khả năng cạnh tranh và đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn giữa vốn tự có và tổng tài sản có đạt tối thiểu 8% theo thông lệ quốc tế, đạt tới trên 450 tỷ đồng. Trên địa bàn TP.HCM, có 5 NHTM cổ phần đạt số vốn điều lệ trên 200 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, một số NHTM cổ phần khác tiếp tục được sắp xếp lại. Ngày 12.2.2003, NHTM cổ phần Việt Á ra đời tại TP.HCM trên cơ sở sáp nhập Công ty tài chính cổ phần Sài Gòn - vốn 70,6 tỷ đồng và NHTMCP nông thôn Đà Nẵng vốn 6 tỷ đồng. Ngân hàng mới này dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng trong năm 2003. NHTM cổ phần Quế Đò đổi tên thành NHTMCP Sài Gòn và cũng đang có kế hoạch tăng thêm vốn điều lệ để tăng thêm năng lực cạnh tranh. Sacombank từ số vốn điều lệ 71 tỷ đồng tăng lên 358 tỷ đồng hiện nay và dự kiến lên 500 - 550 tỷ đồng. NHTM cổ phần Sài Gòn thương tín có kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng vào cuối năm 2003. Các NHTM cổ phần khác cũng đang có kế hoạch tăng thêm vốn điều lệ...

Về cạnh tranh phát triển mạng lưới và mở rộng địa bàn. Cuộc cạnh tranh mở rộng mạng lưới tại các khu đông dân, khu đô thị mới, khu kinh tế phát triển,... được tất cả các NHTM cạnh tranh với nhau rất sôi động. Điển hình là tại TP.HCM, trong năm 2003, các NHTM đã mở thêm mới 14 chi nhánh cấp I, 41 chi nhánh cấp II, 29 phòng giao dịch, 6 quỹ tiết kiệm và 1 văn phòng đại diện.

Thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc và thị trường mở đạt tới đỉnh cao

Năm 2003 chưa kết thúc, nhưng mới đến đầu tháng 12.2003, thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc nhà nước, Ngân hàng Nhà nước và Bộ tài chính phối hợp tổ chức đã đạt được thành công lớn ngoài dự kiến.

Mới tính đến phiên đấu thầu thứ 48 trong năm 2003, được tổ ngày 9.12.2003 vừa qua, đã có tổng số 15.151,5 tỷ đồng tín phiếu kho bạc nhà nước trúng thầu, so với dự kiến

đầu năm khoảng 10.000 - 12.000 tỷ đồng, với lãi suất thấp, chi phí giảm thiểu tối đa. Nếu như với diễn biến này thì trong cả năm 2003 ngân sách nhà nước có khả năng sẽ huy động được gần 16.000 tỷ đồng.

Trong 11 tháng đầu năm 2003, bằng cách tiếp tục duy trì 2 phương thức giao dịch là mua có kỳ hạn và bán hần, Ngân hàng Nhà nước đã tổ chức được 97 phiên giao dịch thị trường mở, với tổng khối lượng trúng thầu là 14.428,15 tỷ đồng, trong đó khối lượng giấy tờ có giá Ngân hàng Nhà nước mua kỳ hạn là 7.988,15 tỷ đồng, bán hần là 11.340 tỷ đồng.

Dự báo một số hoạt động chủ yếu năm 2004

Năm 2004, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối trong nước tiếp tục có những diễn biến phức tạp bởi sự tác động của thị trường thế giới và những bất thường trong nước. Song dự báo, các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động ngân hàng trong năm 2004 sẽ vẫn được duy trì như kế hoạch của năm 2003: cung ứng tiền và tổng phương tiện thanh toán, tổng nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay,..., tức tăng khoảng 20% - 24% so với năm trước. Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục hoàn thiện việc điều hành các công cụ gián tiếp của chính sách tiền tệ và nghiệp vụ Ngân hàng trung ương. Lãi suất và tỷ giá sẽ giữ được mức ổn định như trong năm 2003. Hệ thống ngân hàng thương mại tiếp tục được cơ cấu lại và nâng cao sức mạnh cạnh tranh, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại vào các hoạt động kinh doanh, phát triển các dịch vụ ngân hàng bán lẻ của mình, đạt lợi nhuận cao hơn. Giữa các chính sách kinh tế vĩ mô khác và chính sách tiền tệ có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ hơn vì các mục tiêu chung của nền kinh tế. Người dân và các doanh nghiệp tìm đến sử dụng các tiện ích ngân hàng nhiều hơn, uy tín quốc tế của hệ thống ngân hàng trong nước được nâng cao hơn ■